

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BNV-TL
V/v báo cáo thực hiện chế độ tiền
lương, phụ cấp đối với viên chức
hành chính

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024, Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị Trung ương khoá XIII về kinh tế - xã hội năm 2024 – 2025 và Quyết định số 918/QĐ-TTg ngày 27/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XV về cải cách tiền lương, Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương xây dựng báo cáo thực hiện chế độ tiền lương, phụ cấp lương hiện hành đối với viên chức hành chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo Đề cương (kèm theo).

Đề nghị các Bộ, cơ quan, địa phương gửi Báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 20/12/2024 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, Vụ TL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Chiến Thắng

ĐỀ CƯƠNG

**Báo cáo thực hiện chế độ tiền lương hiện hành đối với
viên chức hành chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập**
(gửi kèm theo công văn số /BNV-TL ngày tháng 12 năm 2024)

1. Thực trạng về chế độ tiền lương, phụ cấp¹

1.1. Tổng số lượng viên chức thuộc phạm vi quản lý (số lượng có mặt tính đến tháng 10/2024)

1.2. Tổng số lượng viên chức hành chính thuộc phạm vi quản lý (số lượng có mặt tính đến tháng 10/2024) (viên chức hành chính không giữ chức danh nghề nghiệp và không hoạt động nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và thuộc vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ, được xếp lương theo ngạch công chức chuyên ngành hành chính theo quy định tại Điều 14 Chương IV Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ):

1.2.1. Viên chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

- Chuyên viên cao cấp:
- Chuyên viên chính:
- Chuyên viên:
- Cán sự:
- Nhân viên:

1.2.2. Viên chức hành chính không được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

a) Viên chức hành chính đã được hưởng phụ cấp theo ngành (y tế, giáo dục...)

- Chuyên viên cao cấp:
- Chuyên viên chính:
- Chuyên viên:
- Cán sự:
- Nhân viên:

b) Viên chức hành chính không được hưởng phụ cấp theo ngành

- Chuyên viên cao cấp:
- Chuyên viên chính:
- Chuyên viên:
- Cán sự:

¹ Đề nghị các cơ quan tổng hợp số liệu vào Bảng tổng hợp kèm theo

- Nhân viên:

1.3. Tổng tiền lương tháng theo ngạch, chức danh (tính trên số lượng có mặt)

1.2.1. Viên chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

1.2.2. Viên chức hành chính không được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

a) Viên chức hành chính đã được hưởng phụ cấp theo ngành (y tế, giáo dục...)

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

b) Viên chức hành chính không được hưởng phụ cấp theo ngành

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

1.4. Tổng thu nhập theo tháng (gồm tổng thu nhập gồm tiền lương theo ngạch/chức danh, phụ cấp, thu nhập đặc thù... tính trên số lượng có mặt)

1.2.1. Viên chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

1.2.2. Viên chức hành chính không được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù

a) Viên chức hành chính đã được hưởng phụ cấp theo ngành (y tế, giáo dục...)

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

b) Viên chức hành chính không được hưởng phụ cấp theo ngành

- Chuyên viên cao cấp:

- Chuyên viên chính:

- Chuyên viên:

- Cán sự:

- Nhân viên:

1.5. Các loại phụ cấp hiện hưởng (liệt kê các loại phụ cấp)

2. Hạn chế, bất cập (trong đó lưu ý tương quan tiền lương, thu nhập của viên chức hành chính với viên chức chuyên ngành và các đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý như công chức hành chính, công chức chuyên ngành, viên chức chuyên ngành, viên chức hành chính đã được hưởng phụ cấp của ngành (y tế, giáo dục...), công chức viên chức được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù, người lao động trong doanh nghiệp ...)

3. Kiến nghị và đề xuất

3.1. Kiến nghị

3.2. Đề xuất

BẢNG TỔNG HỢP VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG HIỆN HÀNH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

TT	Ngạch/chức danh	Số lượng có mặt (ĐVT: người)	Tổng tiền lương tháng theo ngạch, chức danh (ĐVT: nghìn đồng)	Tổng thu nhập theo tháng (ĐVT: nghìn đồng)
A	Số lượng viên chức thuộc phạm vi quản lý			
1	Viên chức			
B	Viên chức hành chính được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù			
1	Chuyên viên cao cấp			
2	Chuyên viên chính			
3	Chuyên viên			
4	Cán sự			
5	Nhân viên			
C	Viên chức hành chính không được áp dụng cơ chế tài chính và thu nhập đặc thù			
C1	Viên chức hành chính đã được hưởng phụ cấp theo ngành (y tế, giáo dục...)			
1	Chuyên viên cao cấp			
2	Chuyên viên chính			
3	Chuyên viên			
4	Cán sự			
5	Nhân viên			
C2	Viên chức hành chính không được hưởng phụ cấp theo ngành			
1	Chuyên viên cao cấp			
2	Chuyên viên chính			
3	Chuyên viên			
4	Cán sự			
5	Nhân viên			